

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Về việc : Giải trình chênh lệch số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất đã kiểm toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất đơn vị lập Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012		chênh lệch	Giải trình
			Số kiểm toán	Số công ty		
1	2	3	4	5	6=(4-5)	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	2,822,138,417,349	2,820,574,417,349	1,564,000,000	Điều chỉnh chỉ tiêu mã số 01 "
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	1,312,607,102	1,312,607,102	-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " sang chỉ tiêu mã số 31 "Thu nhập khác"
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	16	2,820,825,810,247	2,819,261,810,247	1,564,000,000	Do nguyên nhân trên nên doanh thu thuần cũng tăng tương ứng
4. Giá vốn hàng bán	11	17	2,695,026,065,270	2,690,064,090,263	4,961,975,007	Điều chỉnh chỉ tiêu mã số 11 "Giá vốn hàng bán" xuống chỉ tiêu mã số 32 " Chi phí khác " là 1.563.916.768 đồng ; chênh lệch còn lại 3.398.058.239 đồng . Nguyên nhân do báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 công ty lập chưa kiểm toán khi các công ty con chưa có báo cáo tài chính năm 2012 đã kiểm toán nên số liệu báo cáo tài chính của các công ty cung cấp chưa có số liệu điều chỉnh sau khi kiểm toán nên dẫn đến số liệu chênh lệch tăng so với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		125,799,744,977	129,197,719,984	(3,397,975,007)	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận gộp cũng giảm tương ứng
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	11,679,497,683	11,679,497,683	-	

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012		chênh lệch	Giải trình
			Số kiểm toán	Số công ty		
1	2	3	4	5	6=(4-5)	7
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22 23	19	40,225,957,779 40,780,723,154	43,087,309,279 40,780,723,154	(2,861,351,500)	Điều chỉnh giảm dự phòng cho số cổ phiếu thưởng của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do công ty trích thiếu theo quy định
8. Chi phí bán hàng	24		24,174,029,853	23,833,781,853	340,248,000	Điều chỉnh tăng chi phí tiền lương tháng thứ 13 năm 2012 do công ty hạch toán vào tháng 1/2013 thay vì vào tháng 12/2012
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23,015,065,497	22,675,039,497	340,026,000	Điều chỉnh tăng chi phí tiền lương tháng thứ 13 năm 2012 do công ty hạch toán vào tháng 1/2013 thay vì vào tháng 12/2012
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		50,064,189,531	51,281,087,038	(1,216,897,507)	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cũng tăng tương ứng
11. Thu nhập khác	31	20	6,932,503,589	8,496,503,589	(1,564,000,000)	Điều chỉnh chi tiêu mã số 01 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" sang chi tiêu mã số 31 "Thu nhập khác"
12. Chi phí khác	32	21	7,536,078,642	9,099,995,410	(1,563,916,768)	Điều chỉnh chi tiêu mã số 11 "Giá vốn hàng bán" xuống chi tiêu mã số 32 "Chi phí khác"
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(603,575,053)	(603,491,821)	(83,232)	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận khác cũng giảm tương ứng



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012		chênh lệch	Giải trình
			Số kiểm toán	Số công ty		
I	2	3	4	5	6=(4-5)	7
14. Lãi lỗ trong công ty liên kết	45		2,637,059,711			Do khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 chưa kiểm toán thì công ty liên kết chưa có báo cáo tài chính năm 2012 đã kiểm toán nên số liệu báo cáo tài chính của các công ty này cung cấp chưa có số liệu điều chỉnh sau khi kiểm toán nên dẫn đến số liệu chênh lệch tăng so với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52,097,674,190	50,677,595,217	1,420,078,972	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cũng tăng tương ứng
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	9,249,961,524	8,686,647,282	563,314,242	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		622,204,290	622,204,290	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		42,225,508,376	41,368,743,645	856,764,730	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế TNDN cũng tăng tương ứng
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		503,224,028	510,681,059	(7,457,031)	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		41,722,284,348	41,480,266,877	242,017,471	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		715	732	(17)	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Lập ngày 03 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đỗ Thị Kim Dung

Kế Toán Trưởng  
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Tổng Giám Đốc

Đỗ Thị Hồng